BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI** Số: 1846/QĐ-ĐHHN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Căn cứ Luật giáo dục đại học 08/2012/QH13;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Hà Nội giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 229/QĐ-ĐHHN, ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Hà Nội.**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Hà Nội, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều 3 - Bộ GD&ĐT (để báo cáo) - Lưu: VT, QLĐT	**HIỆU TRƯỞNG** TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI **Nguyễn Đình Luận**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2016

QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1846/QĐ-ĐHHN ngày 9 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định các hoạt động đào tạo đại học hệ chính quy của Trường Đại học Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường), bao gồm tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi học phần và xét công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo hệ chính quy trình độ đại học của Trường Đại học Hà Nội, thực hiện theo hình thức đào tạo kết hợp giữa niên chế và tín chỉ.

Điều 2. Chương trình giáo dục đại học

1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình) của Trường Đại học Hà Nội được xây dựng trên cơ sở mục tiêu chiến lược về đào tạo, chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng chuyên môn, thái độ và đạo đức nghề nghiệp, phạm vi, cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (đơn ngành) hoặc một vài ngành (song ngành, ngành chính - ngành phụ, 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: Giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Chương trình đào tạo của Trường Đại học Hà Nội có số đơn vị học trình (ĐVHT) không quá 210 ĐVHT (tương đương với 140 tín chỉ), không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và các kỹ năng bổ trợ.

Điều 3. Học phần và đơn vị học trình

1. Học phần là khối lượng kiến thức sinh viên cần tích luỹ trong quá trình học tập. Một học phần có khối lượng từ 2 đến 5 ĐVHT (2 đến 4 tín chỉ), được bố trí giảng dạy trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần gắn với một trình độ và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần được ký hiệu bằng một mã riêng do Trường quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần bao gồm những nội dung kiến thức nền tảng và kỹ năng của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần bao gồm những nội dung kiến thức và kỹ năng cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường hoặc theo nguyện vọng cá nhân nhằm đa dạng hoá định hướng chuyên môn và tích luỹ đủ số đơn vị học trình quy định cho mỗi chương trình.

3. Đơn vị học trình được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một ĐVHT được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; bằng 30-45 tiết thực hành hoặc thảo luận; bằng 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; hoặc bằng 45-60 giờ làm tiểu luận, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, để tiếp thu được một ĐVHT sinh viên phải dành ít nhất 15 giờ chuẩn bị cá nhân.

4. Đề cương chi tiết và số tiết của từng học phần được quy định trong các Quyết định ban hành Chương trình giáo dục đại học – Hệ chính quy cho các ngành đào tạo của Trường Đại học Hà Nội thực hiện từ năm học 2011-2012.

5. Một tiết học được tính bằng 45 phút.

6. Đối với những ngành thực hiện đào tạo theo tín chỉ, khối lượng kiến thức được quy đổi như sau: 01 tín chỉ = 1,5 ĐVHT.

Chương II
TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 4. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường Đại học Hà Nội tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ kết hợp giữa hình thức đào tạo theo tín chỉ đối với các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, chuyên ngành dạy bằng tiếng Anh và hình thức đào tạo theo niên chế đối với các ngành ngôn ngữ.

a) Một khóa học trình độ đại học tại trường Đại học Hà Nội có thời gian thiết kế là 4,0 - 4,5 năm.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra. Ngoài hai học kỳ chính, các Khoa có thể tổ chức thêm một học kỳ hè để sinh viên có các học phần bị đánh giá không đạt ở các học kỳ chính được học lại và để sinh viên có điều kiện học vượt kết thúc sớm chương trình học tập hoặc cải thiện kết quả. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi, kiểm tra.

2. Số học phần cho từng năm học, từng học kỳ được quy định trong Chương trình giáo dục đại học – hệ chính quy của các ngành đã được ban hành năm 2011.

a) Đầu khoá học, Trường thông báo công khai kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên;

b) Đầu mỗi năm học, các khoa thông báo kế hoạch học tập, lịch trình giảng dạy của từng học phần, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn, đề cương chi tiết học phần và điều kiện để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi các học phần;

c) Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ sinh viên phải đăng ký học các học phần bắt buộc, tự chọn và bổ sung môn học nằm trong lịch trình học của học kỳ đó với Khoa.

d) Đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc cho tất cả các ngành đào tạo của Trường (Giáo dục thể chất, Ngữ văn Việt Nam, Giáo dục chính trị, Tin học cơ sở, Giáo dục quốc phòng), sinh viên phải đăng ký học theo đúng đợt đã được quy định trong kế hoạch học tập của các học phần này.

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 21 ĐVHT cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp loại học lực trung bình;

b) 15 ĐVHT cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp loại học lực yếu;

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

Sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập tối thiểu như quy định ở trên mới đủ điều kiện xét học bổng.

4. Thời gian tối đa hoàn thành Chương trình đào tạo chính quy bao gồm thời gian quy định cho chương trình quy định tại Khoản 1 Điều này cộng với thời gian tối đa sinh viên được phép tạm ngừng học quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Quy chế này.

Điều 5. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký nhập học sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân. Phòng Công tác sinh viên chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ nhập học của sinh viên.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Quản lý Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận danh sách sinh viên chính thức của Trường và cấp cho sinh viên:

a) Thẻ sinh viên;

b) Sổ đăng ký học tập.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học được cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

5. Sinh viên quốc tế của Khoa Việt Nam học nộp các giấy tờ và làm thủ tục theo Quy chế Quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BGDDT ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 6. Sắp xếp sinh viên vào học các ngành đào tạo

Những thí sinh đạt yêu cầu thi tuyển hoặc xét tuyển được Trường sắp xếp vào học các ngành đào tạo đã đăng ký. Số lượng và tiêu chí cụ thể được quy định trong Thông báo tuyển sinh hệ chính quy hàng năm của Nhà trường.

Điều 7: Tổ chức lớp học

Lớp học tại Trường Đại học Hà Nội bao gồm: Lớp hành chính và lớp học phần.

1. Lớp hành chính được tổ chức cho những sinh viên cùng khoá học, cùng ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và ổn định từ đầu đến cuối khóa học nhằm duy trì các sinh hoạt đoàn thể, các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị xã hội, văn hoá thể thao, để quản lý sinh viên theo quy định của Trường. Phụ trách lớp học hành chính là giáo viên chủ nhiệm.

Lớp hành chính được gọi tên theo ngành học và năm nhập học của sinh viên, có mã hiệu theo quy định của Trường Đại học Hà Nội.

Mỗi chuyên ngành trong một khoá đào tạo có thể có một hoặc nhiều lớp hành chính, tùy vào số

lượng sinh viên thực tế của chuyên ngành đào tạo của khóa đó.

2. Lớp học phần được tổ chức cho những sinh viên cùng học một học phần theo cùng thời khoá biểu, cùng giảng đường và được tổ chức dựa trên kết quả đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Đơn vị đào tạo học phần có trách nhiệm thành lập và quản lý lớp học phần của đơn vị mình. Mỗi lớp học phần được ký hiệu bằng một mã hiệu riêng.

3. Nếu lớp học phần có số lượng sinh viên đăng ký dưới mức tối thiểu, Nhà trường có thể hủy lớp học phần. Trong thời gian quy định cho mỗi đợt đăng ký học hoặc điều chỉnh đăng ký học, sau khi Khoa/Bộ môn thuộc Trường (sau đây gọi tắt là Khoa) thông báo huỷ lớp, những sinh viên này phải đăng ký chuyển sang học phần khác để đảm bảo đủ kiến thức tối thiểu của học kỳ.

4. Các trường hợp tổ chức lớp học khác do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 8. Điều kiện được học tiếp, nghỉ học tạm thời, cảnh báo kết quả học tập hoặc bị buộc thôi học

Trước khi vào năm học, Trường căn cứ vào số học phần đã học, điểm trung bình chung học tập của năm học đã qua và điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khoá học để xét việc học tiếp, tạm ngừng học hoặc bị buộc thôi học của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên ở học kỳ hè (nếu có) thuộc năm học nào được tính chung vào kết quả học tập của năm học đó.

1. Sinh viên được học tiếp nếu có đủ các điều kiện dưới đây:

a) Có điểm trung bình chung học tập của năm học từ 5,0 trở lên;

b) Có khối lượng các học phần bị điểm dưới 5,0 tính từ đầu khoá học không quá 25 ĐVHT;

Tại các học kỳ kế sau sinh viên phải chủ động đăng ký học lại những học phần bị điểm dưới 5,0 nếu là học phần bắt buộc; đăng ký học lại hoặc có thể đăng ký chuyển qua học phần mới nếu là học phần tự chọn.

2. Sinh viên được quyền gửi đơn tới Hiệu trưởng (thông qua Văn phòng Khoa và Phòng Quản lý Đào tạo) xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường và phải đạt điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học không dưới 5,0. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại Khoản 4 Điều 4 của Quy chế này.

Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại Trường phải gửi đơn cho Hiệu trưởng (thông qua Văn phòng Khoa và Phòng Quản lý Đào tạo) ít nhất 1 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới hay năm học mới.

3. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên dựa trên các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình chung sau mỗi học kỳ đạt dưới 4,0, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học;

b) Tổng số ĐVHT của các học phần bị điểm dưới 5,0 còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 25 ĐVHT.

Trường Đại học Hà Nội áp dụng cả 2 điều kiện nêu trên để cảnh báo kết quả học tập của sinh viên.

4. Sau mỗi năm học, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá 2 lần liên tiếp;

b) Có điểm trung bình chung học tập của năm học thứ nhất dưới 3,5;

c) Có điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khoá học dưới 4,0 sau hai năm học; dưới 4,5 sau 3 năm học và dưới 4,8 sau từ 4 năm học trở lên;

d) Đã hết thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 của Quy chế này;

đ) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do gian lận trong thi cử theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 của Quy chế này;

e) Không hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Trường.

Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Trường sẽ thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Sinh viên thuộc các diện quy định tại các Điểm b, c và d Khoản này được quyền xin xét chuyển qua các Chương trình Đào tạo từ xa, Vừa làm Vừa học của Trường và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình chính quy. Hiệu trưởng quyết định kết quả học tập được bảo lưu cho từng trường hợp cụ thể.

5. Điều kiện được học tiếp, nghỉ học tạm thời, cảnh báo kết quả học tập hoặc bị buộc thôi học đối với sinh viên quốc tế đang học tập tại Trường Đại học Hà Nội được thực hiện theo Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

Điều 9. Ưu tiên trong đào tạo

1. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành được hưởng chế độ ưu tiên trong đào tạo.

2. Sinh viên thuộc các đối tượng ưu tiên được tạm ngừng học để củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập. Thời gian tạm ngừng học tối đa không quá 3,0 năm cho toàn khoá học đối với các chương trình có thời gian đào tạo 4,0 năm và 3,5 năm đối với các chương trình có thời gian đào tạo 4,5 năm.

3. Trong thời gian tạm ngừng học, sinh viên thuộc đối tượng ưu tiên vẫn được hưởng các chế độ ưu đãi của Nhà nước.

Điều 10. Học theo tiến độ khác với tiến độ học chung của Trường

1. Học theo tiến độ chậm:

a) Sinh viên học theo tiến độ chậm là sinh viên có nhu cầu học chậm so với tiến độ chung của khoá học, các sinh viên này được quyền đăng ký với Phòng Quản lý Đào tạo để xin tạm rút một số học phần trong lịch trình học quy định.

b) Các quy định học theo tiến độ chậm:

- Số học phần đăng ký tạm rút trong mỗi học kỳ có tổng khối lượng không quá 12 ĐVHT và chủ yếu thuộc vào nhóm học phần không mang tính chất bắt buộc đối với ngành đào tạo chính;

- Điều kiện để được học tiếp, ngừng học hoặc thôi học đối với các sinh viên học theo tiến độ chậm được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này;

- Thời gian cho toàn khoá học đối với các sinh viên học theo tiến độ chậm không được vượt quá thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học theo tiến độ bình thường quy định tại Khoản 4 Điều 4 của Quy chế này;

- Trừ các đối tượng được ưu tiên theo quy định, những sinh viên học theo tiến độ chậm ở năm học nào thì không được hưởng chính sách học bổng ở năm học đó.

2. Học theo tiến độ nhanh:

a) Sinh viên học theo tiến độ nhanh là sinh viên có nhu cầu học nhanh hơn so với tiến độ chung của khoá học, các sinh viên này được quyền đăng ký với Khoa để học vượt một số học phần so với lịch trình học quy định.

b) Điều kiện học theo tiến độ nhanh:

Sinh viên các khối chuyên ngành ngôn ngữ:

- Sinh viên được miễn học một số học phần Kỹ năng tiếng nếu có chứng chỉ quốc tế về năng lực ngoại ngữ theo quy định của Trường (có *Phụ lục* đi kèm) nhưng phải dự thi cuối kỳ để lấy điểm;
- Đối với những sinh viên được giải thưởng (cấp thành phố/tỉnh trở lên) về thành tích giáo dục thể chất sẽ được xem xét miễn học môn học tương đương nhưng phải dự thi cuối kỳ để lấy điểm;
- Đối với những sinh viên đã tốt nghiệp phổ thông ở nước ngoài khi đăng ký vào ngôn ngữ đã học ở phổ thông sẽ được xem xét miễn học nếu đạt kết quả kỳ thi năng lực tiếng do Trường Đại học Hà Nội tổ chức;
- Sinh viên phải nộp học phí cho các môn/học phần được miễn học, miễn thi theo mức quy định hiện hành đối với sinh viên học theo niên chế;
- Sinh viên đã tốt nghiệp phổ thông ở nước ngoài như nêu trên phải nộp lệ phí thi năng lực ngoại ngữ theo quy định hiện hành;
- Sinh viên có nguyện vọng học tiến độ nhanh làm đơn (theo mẫu) và nộp tại Khoa đang học kèm theo bản sao các giấy chứng nhận/chứng chỉ còn giá trị để Khoa cho ý kiến và chuyên cho phòng Quản lý Đào tạo trình Ban Giám hiệu xét duyệt và ra quyết định;
- Sinh viên nộp học phí tại phòng Tài chính-Kế toán theo quy định;
- Việc đăng ký được miễn học, miễn thi phải hoàn thành ít nhất 1 tuần trước khi học kỳ mới bắt đầu.

Sinh viên các khối chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Anh (Quản trị kinh doanh, Tài chính-Ngân hàng, Kế toán, Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Quốc tế học, Công nghệ-thông tin) đã có chứng chỉ IELTS quốc tế đạt điểm trung bình 6,0 trở lên (không có kỹ năng nào dưới 5,0) sẽ được đăng ký học cùng với sinh viên năm thứ hai ngay từ khi bắt đầu khóa học. Sinh viên có các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác được xem xét và công nhận theo Quyết định số 1520/QĐ-ĐHHN ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội về công nhận tương đương cấp độ các chứng chỉ ngoại ngữ.

Không áp dụng đối với sinh viên thuộc diện tạm ngừng học, có điểm trung bình chung học tập cả năm dưới 6,5 và có học phần phải thi lại ở năm đó (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Nếu sinh viên học vượt có điểm trung bình chung học tập của năm học vượt đạt dưới 6,5 thì phải dừng học vượt ở năm học tiếp theo.

Sinh viên học vượt được rút ngắn thời gian học ở Trường so với thời gian quy định cho toàn khoá học nhưng không được quá một năm.

Sinh viên học vượt phải học ở các kỳ học chính do khoa sắp xếp.

3. Đối với sinh viên học vượt với thời gian học ngắn hơn, hoặc học đồng thời hai chương trình với thời gian học dài hơn, chế độ học bổng, học phí được thực hiện cho đến khi sinh viên hoàn thành chương trình.

Điều 11. Học cùng lúc hai chương trình, bằng đại học thứ hai

1. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình

Sinh viên đăng ký cùng lúc hai chương trình phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đã hoàn thành năm học thứ nhất, có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng;

b) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác với ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

c) Sinh viên không thuộc diện tạm ngừng học và cso điểm trung bình chung học tập cả năm từ 7,0 trở lên;

d) Sinh viên học thêm chương trình thứ hai nếu có điểm trung bình chung học tập của năm học dưới 6,0 sẽ phải dừng học chương trình thứ hai ở năm học tiếp theo;

e) Thời gian tối đa được phép học đồng thời hai chương trình là 06 năm;

f) Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất;

g) Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất;

h) Sinh viên ngành ngôn ngữ nếu đăng ký ngành học thứ hai là các ngành: Quản trị Kinh doanh, Dịch vụ Du lich và Lữ hành, Tài chính-Ngân hàng, Kế toán, Quốc tế học, Công nghệ-Thông tin được miễn học tất cả các môn thuộc khối Giáo dục đại cương, các môn Giáo dục thể chất và quốc phòng và chỉ cần học các môn chuyên ngành. Sinh viên phải đạt điểm điều kiện về tiếng Anh để học chuyên ngành tại thời điểm đăng ký học các chuyên ngành trên. Điểm điều kiện tiếng Anh là 6,0 IELTS (không có kỹ năng nào dưới 5,0) của Trường đại học Hà Nội hoặc của các cơ quan khảo thí quốc tế như BC, IDP, ETS và các trường đại học nước ngoài là đối tác của Trường Đại học Hà Nội;

i) Sinh viên các chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Dịch vụ Du lich và Lữ hành, Tài chính-Ngân hàng, Kế toán, Quốc tế học, Công nghệ-Thông tin nếu muốn học ngành thứ hai là Ngôn ngữ Anh thì được miễn tất cả các môn cơ sở dạy bằng tiếng Việt, các môn Giáo dục thể chất và quốc phòng, các học phần thực hành tiếng. Sinh viên chỉ cần học các môn chuyên ngành tiếng Anh;

j) Sinh viên các chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Dịch vụ Du lich và Lữ hành, Tài chính-Ngân hàng, Kế toán, Quốc tế học, Công nghệ-Thông tin nếu muốn học ngành thứ hai là các ngôn ngữ khác (không phải là Ngôn ngữ Anh) thì phải học các học phần thực hành tiếng và được phép học vượt nếu được khoa và Nhà trường xác nhận có đủ trình độ các học phần thực hành tiếng;

k) Sinh viên các chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Dịch vụ Du lich và Lữ hành, Tài chính-Ngân hàng, Kế toán, Quốc tế học, Công nghệ-Thông tin nếu muốn học ngành thứ hai là một ngành khác thuộc một trong các ngành trên thì được miễn học các môn cốt lõi đã được học trong chương trình thứ nhất.

l) Sinh viên được Hiệu trưởng duyệt để học chương trình thứ hai có nghĩa vụ nộp học phí trước khi khóa học bắt đầu. Học phí đối với chương trình thứ hai được thu theo môn học, tính theo đơn vị học trình. Sinh viên thôi học sau khi môn học đã bắt đầu sẽ không được nhận lại học phí.

(Trích Quy định học cùng lúc hai chương trình theo Quyết định số 1126/QĐ-ĐHHN-ĐT ngày 14 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội).

2. Điều kiện học bằng đại học thứ hai.

Sinh viên đăng ký học bằng đại học thứ hai đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đã có ít nhất một bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy hoặc phi chính quy (Vừa làm Vừa học, Từ xa, vv);

b) Tham gia xét tuyển và đạt yêu cầu theo quy định của Trường Đại học Hà Nội;

c) Người học bằng đại học thứ hai là nam giới trong độ tuổi gọi nhập ngũ không thuộc diện được tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình theo qui định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 3/CP ngày 16-1-1995 của Chính phủ và Thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Giáo dục và Đào tạo số 1144/TTLB-QP-GDĐT ngày 15-6-1995.

(Trích Quyết định số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai)

Điều 12. Chuyển trường

1. Sinh viên Trường Đại học Hà Nội được xét chuyển đi học ở trường khác và sinh viên trường khác được chuyển đến học tại Trường Đại học Hà Nội theo các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có ngành đào tạo trùng hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học. Có điểm đầu vào bằng hoặc cao hơn điểm của trường chuyển đến.

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường Đại học Hà Nội và của trường xin chuyển đi/đến.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã dự thi tuyển sinh nhưng không trúng tuyển hoặc có điểm thi thấp hơn điểm xét tuyển của trường xin chuyển đến trong trường hợp chung đề thi tuyển sinh;

b) Sinh viên có hộ khẩu thường trú nằm ngoài vùng tuyển của trường xin chuyển đi và đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khoá;

d) Sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của Nhà trường;

b) Hiệu trưởng có sinh viên xin chuyển đến sẽ quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, quyết định việc học tiếp tục của sinh viên như: năm học và số học phần mà sinh viên chuyển đến trường phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III
KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 13. Đánh giá học phần

1. Các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm chuyên cần và điểm thi kết thúc học phần. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa kỳ, bài tập lớn, tiểu luận, vv) do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Quy định về trọng số điểm đánh giá thường xuyên và điểm chuyên cần.

Điểm chuyên cần (ý thức tham gia học tập): Chiếm 10% tổng số điểm học phần. Căn cứ vào số buổi nghỉ học (không có lí do) và ý thức tham gia học tập và thảo luận bài trong quá trình học tập để đánh giá.

Điểm đánh giá thường xuyên: Chiếm 30% tổng số điểm học phần.

Điểm kết thúc học phần: Chiếm 60% tổng số điểm của học phần.

3. Trưởng các Khoa/Bộ môn trực thuộc Trường chịu trách nhiệm trong việc ra đề thi, bảo mật đề thi và công tác tổ chức, chấm thi kết thúc học phần.

Điều 14. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Điều kiện được dự thi kết thúc học phần

a) Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% tổng số thời lượng môn học theo quy định của khoa;

b) Phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

2. Kỳ thi kết thúc học phần do các khoa tổ chức theo các quy định sau:

a) Cuối mỗi học kỳ, Khoa hoặc Trung tâm kiểm tra và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ (thi lại) để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có điểm trung bình học phần dưới 5,0 sau kỳ thi chính. Kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất là ba (03) tuần và muộn nhất là sáu (06) tháng sau kỳ thi chính.

b) Mỗi học phần tổ chức giảng dạy và học tập trong 1 học kỳ chỉ có một bài thi kết thúc học phần, thi theo kế hoạch của khoa, kỳ thi chính và kỳ thi phụ có thể bố trí cả vào thứ Bảy và Chủ nhật;

c) Thời gian thi viết và vấn đáp do Trưởng khoa hoặc Giám đốc Trung tâm kiểm tra và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục quy định;

d) Với các học phần thi viết: Trưởng khoa có trách nhiệm cử đủ người của đơn vị tham gia coi thi, đảm bảo mỗi phòng thi có 02 cán bộ coi thi. Trưởng bộ môn thuộc khoa chịu trách nhiệm trước Trưởng khoa hoặc Giám đốc Trung tâm kiểm tra và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục việc điều hành thi học phần do bộ môn phụ trách theo đúng quy chế thi tuyển sinh Đại học và Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số ĐVHT của học phần đó và được tính ít nhất là 5 tiết cho mỗi ĐVHT. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi cụ thể.

Điều 15. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy đề thi từ ngân hàng đề phải được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần. Hình thức thi kết thúc học phần phải được thể hiện trong kế hoạch đầu năm học, đầu học kỳ của bộ môn và được Trưởng khoa duyệt. Bộ môn thuộc Khoa không được tuỳ tiện thay đổi hình thức thi đã được duyệt.

3. Việc tổ chức chấm thi kết thúc các học phần và bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm và phải được thực hiện tại phòng chấm thi của Khoa. Trợ lý khoa nhập điểm cuối cùng của môn học vào phần mềm quản lý đào tạo, lưu nộp điểm theo quy định của Khoa và Trường. Bảng tổng hợp điểm học tập của sinh viên được công nhận chính thức sau khi có ký duyệt cấp Khoa và cấp Trường.

Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn... ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận hoặc bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc môn học phải do 02 giảng viên thực hiện.

Các điểm thi kết thúc môn học phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Trường, có chữ ký của hai giảng viên chấm thi, có xác nhận của Ban chủ nhiệm Khoa và in thành 03 bản. Bảng điểm thi kết thúc môn học và điểm học phần phải được lưu tại văn phòng Khoa và gửi cho Phòng Quản lý Đào tạo của Trường chậm nhất bốn (04) tuần sau khi thi.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này chỉ còn quyền dự thi một lần ở kỳ thi phụ sau đó.

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính nếu được Trưởng khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ sau đó và được tính là thi lần đầu. Những sinh viên này chỉ được dự thi lần thứ hai (nếu có) tại các kỳ thi kết thúc học phần tổ chức cho sinh viên các khóa học dưới hoặc trong học kỳ hè.

7. Trong trường hợp sinh viên thi cả hai kỳ thi chính và phụ mà điểm học phần vẫn dưới 5,0 thì phải đăng ký học lại học phần này với số lần được dự thi theo quy định như đối với một học phần mới. Sinh viên phải viết đơn đăng ký học lại gửi cho Khoa và nộp lệ phí học lại theo quy định. Khoa lập danh sách sinh viên đăng ký học lại và lịch học của từng học phần và gửi về Phòng Quản lý Đào tạo. Lịch học lại các học phần chưa đạt có thể bố trí vào học kỳ hè. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 16. Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi, điểm trung bình chung và xếp loại kết quả học tập

1. Điểm chuyên cần, đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0,5 điểm.

2. Điểm trung bình chung học tập:

a) Công thức tính điểm trung bình chung học tập như sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^{n} a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^{n} n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học

a_i : là điểm học phần thứ i, i = 1,2... n

n_i : là số ĐVHT của học phần thứ i

n : là tổng số học phần

Điểm trung bình chung học tập của mỗi học kỳ, mỗi năm học, mỗi khoá học và điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khoá học được tính đến hai chữ số thập phân.

Kết quả đánh giá các học phần Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất không tính vào điểm trung bình chung học tập của học kỳ, năm học hay khóa học.

c) Các điểm trung bình chung học tập để xét thôi học, ngừng học, được học tiếp, để xét tốt nghiệp và điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học được tính theo điểm cao nhất trong các lần thi.

3. Xếp loại kết quả học tập:

a) Loại đạt: Từ 9,0 đến 10: Xuất sắc

Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi

Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá

Từ 6,0 đến cận 7,0: Trung bình khá

Từ 5,0 đến cận 6,0: Trung bình

b) Loại không đạt: Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu

Dưới 4,0: Kém

Chương IV
XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 17. Thực tập tốt nghiệp

1. Sinh viên phải hoàn thành 6 học kỳ của chương trình ngành học mới đủ điều kiện đăng ký thực tập tốt nghiệp. Sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập và thực tập, tự liên hệ nơi thực tập phù hợp với chuyên môn đã đăng ký. Trường hỗ trợ sinh viên về thủ tục hành chính để liên hệ thực tập.

2. Sinh viên đăng ký thực tập với Bộ môn và Khoa. Báo cáo thực tập thuộc chuyên môn của Bộ môn nào, Bộ môn đó có trách nhiệm đánh giá kết quả thực tập.

3. Kết quả thực tập được thể hiện trong báo cáo thực tập và chấm theo thang điểm 10.

4. Các Khoa ngôn ngữ có thể thay học phần thực tập tốt nghiệp bằng học phần Kiến tập chuyên ngành (Dịch) với khối lượng kiến thức bằng 5,0 ĐVHT.

Điều 18. Khoá luận tốt nghiệp

1. Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) là một học phần có khối lượng kiến thức tương đương 10 ĐVHT. Sinh viên đủ điều kiện được quyền đăng ký làm KLTN.

2. Điều kiện đăng ký làm khoá luận tốt nghiệp:

a) Điểm trung bình chung học tập đến hết học kỳ 7: ≥ 7,0;

b) Điểm trung bình chung của môn làm khoá luận: ≥ 7,0 ;

c) Môn làm khoá luận không có điểm thi lại;

d) Có đề tài KLTN liên quan đến các môn học trong chương trình và được khoa duyệt.

Quy định chi tiết về làm KLTN được thực hiện theo Thông báo hàng năm về Kế hoạch tốt nghiệp cho sinh viên hệ chính quy của Hiệu trưởng.

3. Trình tự đăng ký viết khoá luận tốt nghiệp

- Sinh viên đăng ký đề tài khoá luận tại Khoa;

- Trên cơ sở số lượng sinh viên đăng ký, Khoa điều tiết số lượng cụ thể sinh viên làm KLTN đối với từng Bộ môn thuộc Khoa thông qua điểm tối thiểu.

4. Hình thức và thời gian thực hiện khoá luận

Các yêu cầu về hình thức và nội dung của KLTN được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Trường.

5. Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn

Giảng viên hướng dẫn có nhiệm vụ hướng dẫn chuyên môn, theo dõi tiến độ và đánh giá ý thức, thái độ làm việc của sinh viên trong thời gian làm KLTN.

6. Trách nhiệm của Trường, Khoa và Bộ môn

- Hiệu trưởng phê duyệt số lượng sinh viên làm KLTN của các Khoa theo đề xuất của Hội đồng xét điều kiện làm KLTN;

- Khoa phê duyệt danh mục đề tài và danh sách giảng viên hướng dẫn, chấm KLTN theo đề nghị của Bộ môn;

- Bộ môn có trách nhiệm phân công giảng viên có tên trong danh sách được duyệt hướng dẫn, chấm KLTN.

7. Đối với sinh viên không viết khoá luận

Sinh viên không đủ điều kiện hoặc không làm KLTN phải đăng ký học thêm một số học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với tổng khối lượng tối thiểu 10 ĐVHT.

Điều 19. Chấm khoá luận tốt nghiệp

Hiệu trưởng quyết định danh sách giảng viên chấm KLTN. Việc chấm KLTN phải do 3 giảng viên (01 giảng viên hướng dẫn và 02 giảng viên phản biện) đảm nhiệm.

Kết quả chấm KLTN được công bố chậm nhất là 03 tuần, kể từ ngày nộp KLTN.

Điểm KLTN được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

Đối với sinh viên khối ngành ngôn ngữ, sinh viên ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam: Điểm KLTN thay thế cho học phần Thực hành dịch 3 hoặc một số học phần tương đương 10 ĐVHT trong chương trình Học kỳ 8. Sinh viên viết KLTN vẫn phải tham gia học các học phần này, nhưng được miễn thi. Đối với sinh viên khối các ngành dạy bằng tiếng Anh: Điểm KLTN thay thế cho học phần Thực tập nghề nghiệp. Sinh viên làm KLTN được tính thêm 10 ĐVHT trong bảng điểm toàn khóa học.

Điều 20. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Hàng năm, Trường tổ chức xét tốt nghiệp cho sinh viên các khóa hệ đại học chính quy vào tháng 6 và tháng 12. Những sinh viên có nhu cầu xét tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với tiến độ

của khóa học làm đơn nộp tại Khoa và Phòng Quản lý Đào tạo trong tuần đầu của tháng xét tốt nghiệp để trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

2. Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Quy chế này;

c) Có thời gian học không quá tổng số thời gian cho phép quy định tại Khoản 4 Điều 4 của Quy chế này;

d) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên và không có môn học nào có điểm dưới 5,0 ;

đ) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;

e) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

f) Kết quả rèn luyện toàn khóa đạt loại trung bình trở lên;

g) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học;

h) Có chứng chỉ năng lực ngoại ngữ bậc 5 đối với sinh viên học ngành ngôn ngữ và bậc 4 đối với sinh viên học chuyên ngành bằng ngoại ngữ (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) ;

j) Đáp ứng đủ các điều kiện khác ghi trong Thông báo hàng năm về Kế hoạch tốt nghiệp cho sinh viên hệ chính quy của Hiệu trưởng.

3. Theo thời gian được quy định tại Khoản 1 của Điều này, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Quản lý đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác sinh viên.

4. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 21. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính. Bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung học tập của toàn khoá học quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Quy chế này.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu vi phạm vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số ĐVHT quy định cho toàn khoá học;

b) Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm của sinh viên theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành, hướng chuyên sâu hoặc ngành phụ nếu có. Trong bảng điểm còn phải ghi kết quả rèn luyện toàn khóa của sinh viên theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy.

4. Những sinh viên chưa hoàn thành khoá luận tốt nghiệp hoặc có chứng chỉ giáo dục quốc phòng nhưng đã hết hạn, trong thời hạn 3 năm tính từ ngày kết thúc khóa học, được trở về Trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp cùng với sinh viên các khóa dưới. Sinh viên không đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ quy định trong Điểm h, Khoản 2, Điều 20 của Quy chế này sẽ được xét tốt nghiệp nhưng chưa được nhận bằng tốt nghiệp.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận bảo lưu kết quả các học phần đã học trong chương trình của Trường. Những sinh viên này nếu có nhu cầu, được quyền làm đơn xin phép chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 của Quy chế này.

Chương V
XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, bảo vệ khoá luận (sau đây gọi tắt là thi, kiểm tra) nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng phần đã vi phạm.

2. Sinh viên có các hành vi gian lận trong thi cử (ví dụ thi hộ hoặc nhờ người thi hộ, mua bán đề thi, vv) đều bị kỷ luật theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ năm học 2016-2017 và được áp dụng đối với các khóa hệ đại học chính quy tuyển sinh năm 2013, 2014, 2015 và 2016 của Trường Đại học Hà Nội.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân có liên quan cần phản ánh kịp thời về Phòng Quản lý Đào tạo để tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Đình Luận